

# Dell S2415H

## Hướng dẫn sử dụng

Mẫu: S2415H  
Mẫu pháp quy: S2415Hb



# Lưu ý, thận trọng và cảnh báo



**LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính tốt hơn.



**THẬN TRỌNG:** THẬN TRỌNG cho biết khả năng bị hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.



**CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

---

## Bản quyền thuộc © 2014-2019 Dell Inc. Bảo lưu mọi quyền.

Cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Dell Inc.

Các thương hiệu được sử dụng trong tài liệu này: *Dell* và logo *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và các nước khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. ENERGY STAR là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ. Là đối tác của ENERGY STAR, Dell Inc. đã khẳng định rằng sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của ENERGY STAR về hiệu quả năng lượng.

Các thương hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để chỉ đến các thực thể tuyên bố quyền sở hữu thương hiệu và tên đó hoặc chỉ đến sản phẩm của họ. Dell Inc. từ bỏ mọi quyền lợi chủ sở hữu đối với các thương hiệu và tên thương mại không phải của mình.

# Mục lục

<b>1</b>	<b>Thông tin về màn hình của bạn</b>	<b>5</b>
	Nội dung gói hàng	5
	Tính năng sản phẩm	7
	Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển	8
	Thông số kĩ thuật màn hình	11
	Chức năng Cắm và Chạy	19
	Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh	20
	Hướng dẫn bảo trì	20
<b>2</b>	<b>Lắp đặt màn hình</b>	<b>21</b>
	Gắn giá đỡ	21
	Kết nối màn hình	22
	Sắp xếp dây cáp	24
	Gắn nắp che cáp	24
	Gỡ giá đỡ màn hình	25
	Gỡ nắp che cáp	25
	Treo tường (tuỳ chọn)	26
<b>3</b>	<b>Vận hành màn hình</b>	<b>27</b>
	Bật nguồn màn hình	27
	Sử dụng Bộ điều khiển mặt trước	27
	Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)	29
	Thiết đặt độ phân giải tối đa	44
	Dùng chức năng nghiêng	45
<b>4</b>	<b>Khắc phục sự cố</b>	<b>46</b>
	Tự kiểm tra	46
	Chẩn đoán tích hợp sẵn	47
	Các vấn đề thông thường	48
	Các vấn đề cụ thể của sản phẩm	50
	Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động (MHL)	51
	Các vấn đề cụ thể về loa ngoài	51

<b>5</b>	<b>Phụ lục</b> .....	<b>52</b>
	Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác .....	52
	Liên hệ Dell .....	52
	Thiết lập màn hình của bạn .....	53

# Thông tin về màn hình của bạn


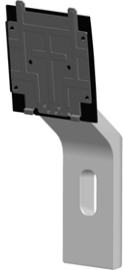
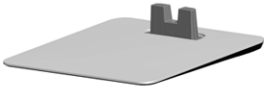
---

## Nội dung gói hàng

Màn hình của bạn được giao cùng với những thành phần như minh hoạ bên dưới. Hãy đảm bảo bạn đã nhận được tất cả các thành phần này và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu một thứ gì đó.



**LƯU Ý:** Một số món có thể ở dạng tùy chọn và không được giao tới cùng màn hình. Một số tính năng hay đa phương tiện có thể không có ở những quốc gia nhất định.

	Màn hình
	Giá dựng
	Chân đế

	<p>Nắp che cáp</p>
	<p>Cáp nguồn (khác nhau tùy mỗi nước)</p>
	<p>Bộ chuyển đổi nguồn</p>
	<p>Cáp HDMI</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng dẫn lắp đặt nhanh</li> <li>• Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định</li> </ul>

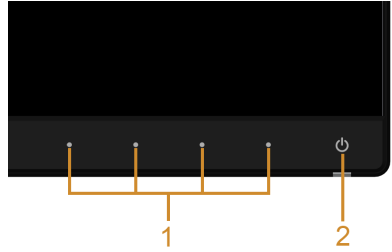
# Tính năng sản phẩm

Màn hình bản phẳng **Dell S2415H** có một ma trận chủ động, Bóng bán dẫn màng mỏng (TFT), Hiển thị tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền Diode phát sáng (LED). Các tính năng màn hình bao gồm:

- Vùng hiển thị xem được 60,47 cm (23,8 inch) (đo theo chiều chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với hỗ trợ toàn màn hình cho những độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hay đứng, hoặc trong lúc di chuyển từ bên này sang bên kia.
- Tỷ lệ tương phản động cực cao (8.000.000:1).
- Có thể chỉnh nghiêng.
- Gờ siêu mỏng làm giảm đến tối thiểu khoảng cách gờ để dùng được nhiều màn hình, khiến cho việc thiết lập dễ hơn cùng với trải nghiệm xem nhìn thanh lịch.
- Kết nối kỹ thuật số quy mô lớn với HDMI (MHL) giúp đảm bảo tương lai cho màn hình của bạn.
- Dễ tháo lắp được và các lỗ nâng đỡ 100 mm của Hiệp hội tiêu chuẩn điện tử video (VESA™) cho các giải pháp nâng đỡ linh hoạt.
- Chức năng cấm và chạy.
- Gam màu ở mức 72% (CIE1931).
- Các điều chỉnh Hiển thị trên màn hình (OSD) cho việc thiết lập dễ dàng và tối ưu hoá màn hình.
- Tính năng Tiết kiệm năng lượng theo tuân thủ Energy Star.
- Khe khoá an toàn.
- Khoá giá đỡ.
- Chức năng chuyển từ tỷ lệ khung hình rộng sang khung hình tiêu chuẩn mà vẫn giữ được chất lượng hình ảnh.
- Giảm thiểu BFR/PVC.
- Hiển thị được TCO chứng nhận.
- Thủy tinh không thạch tín và không thủy ngân chỉ dành cho bản màn hình.
- Nguồn điện trạng thái tạm nghỉ 0,5 W khi đang ở chế độ ngủ.
- Thiết bị đo điện năng cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.

# Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển

## Góc nhìn mặt trước



Phần điều khiển mặt trước

Nhãn	Mô tả
1	Các nút chức năng (Để biết thêm thông tin, hãy xem <a href="#">Vận hành màn hình</a> )
2	Nút tắt/mở nguồn (có đèn LED chỉ báo)



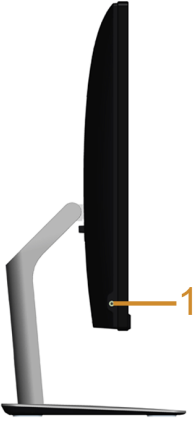
## Góc nhìn mặt sau



### Góc nhìn mặt sau có giá đỡ màn hình

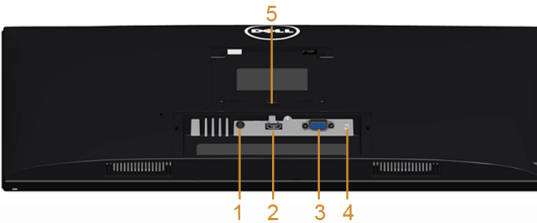
Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Các lỗ nâng đỡ VESA (100 mm x 100 mm – đăng sau nắp VESA kèm theo)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích với VESA (100 mm x 100 mm).
2	Nhãn quy định	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
3	Nút thả giá đỡ	Thả giá đỡ ra khỏi màn hình.
4	Khe khoá an toàn	Bảo vệ màn hình bằng khoá an toàn (khóa an toàn không đi kèm theo).
5	Nhãn chuỗi số mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ Dell để được hỗ trợ kĩ thuật.
6	Khe luồn cáp	Dùng để gom các dây cáp lại bằng cách đặt chúng qua khe này.

## Góc nhìn mặt bên



Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng tai nghe	Kết nối tai nghe.

## Góc nhìn mặt dưới



### Góc nhìn mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Cổng bộ chuyển đổi nguồn	Kết nối bộ chuyển đổi nguồn.
2	Cổng HDMI (MHL)	Kết nối máy tính với cáp HDMI hay các thiết bị MHL với cáp MHL (tùy chọn).
3	Cổng VGA	Kết nối máy tính với cáp VGA (tùy chọn).
4	Cổng cắm dây âm thanh	Kết nối với đầu ra âm thanh của máy tính (tùy chọn).
5	Khoá giá đỡ	Khoá giá đỡ màn hình bằng đinh vít M3 x 6 mm (đinh vít không kèm theo).

# Thông số kỹ thuật màn hình

## Thông số kỹ thuật bản phẳng

<b>Mẫu</b>	<b>S2415H</b>
Loại màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Loại bản	Chuyển hướng tinh thể trong cùng mặt phẳng (IPS)
Hình ảnh xem được	
Chiều chéo	604,70 mm (23,8 inch)
Chiều ngang, vùng hoạt động	527,04 mm (20,75 inch)
Chiều dọc, vùng hoạt động	296,46 mm (11,67 inch)
Diện tích	156246,28 mm <sup>2</sup> (242,18 inch <sup>2</sup> )
Cự li điểm ảnh	0,2745 mm x 0,2745 mm
Góc nhìn	Điển hình là 178° (chiều dọc) Điển hình là 178° (chiều ngang)
Dẫn xuất độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (điển hình)
Tỷ lệ tương phản	1000 trong 1 (điển hình) 8.000.000 trong 1 (khi bật Độ tương phản động cực cao)
Lớp phủ bề mặt	Chói với lớp phủ cứng (3H)
Đèn nền	Hệ thống đèn cạnh LED
Thời gian đáp ứng	6 ms (điển hình) với kỹ thuật gia tốc (overdrive)
Độ sâu màu	16,77 triệu màu
Gam màu	CIE 1931* (72%)

\* Gam màu (điển hình) dựa trên tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (85%) và CIE1931 (72%).

## Thông số kỹ thuật độ phân giải

<b>Mẫu</b>	<b>S2415H</b>
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 75 Hz (tự động)
Độ phân giải thiết lập sẵn cao nhất	1920 x 1080 ở 60 Hz

## Các kiểu video được hỗ trợ

<b>Mẫu</b>	<b>S2415H</b>
Các khả năng hiển thị video (phát lại VGA & HDMI)	480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p

## Các kiểu hiển thị thiết lập sẵn

Kiểu hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Xung quét điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (ngang/dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1600 x 900	75,0	60,0	162,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Kiểu hiển thị nguồn MHL

Kiểu hiển thị	Tần số (Hz)
640 x 480p	60
720 x 480p	60
720 x 576p	50
1280 x 720p	60
1280 x 720p	50
1920 x 1080i	60
1920 x 1080i	50
1920 x 1080p	30
1920 x 1080p	60
1920 x 1080p	50
720 (1440) x 480i	60
720 (1440) x 576i	50

## Thông số kĩ thuật điện năng



Mẫu	S2415H	
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>• RGB tuần tự, 0,7 volt +/- 5%, cực dương có trở kháng đầu vào 75 ohm</li><li>• HDMI 1.4 (MHL 2.1), 600mV cho mỗi đường khác nhau, trở kháng đầu vào 100 ohm cho mỗi cặp khác nhau</li></ul>	
Tín hiệu đầu vào đồng bộ hoá	Tách biệt đồng bộ hoá ngang và dọc, mức TTL không cực, SOG (Đồng bộ phức hợp trên tín hiệu xanh lục)	
Bộ chuyển đổi AC/DC*	Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào	100 -240 VAC / 50 hoặc 60 Hz $\pm$ 3 Hz/1,7 A (tối đa)
	Điện áp/dòng điện đầu ra	Đầu ra: 19,5 VDC / 3,34 A
Dòng điện kích từ	115 V/230V: 150 A (tối đa)**	

\*Bộ chuyển đổi AC/DC tương thích đạt tiêu chuẩn.

\*\*Nguồn AC phải dùng nguồn 3KV chroma 6530 hoặc nguồn AC khác cùng mức.



**THẬN TRỌNG: Để tránh hư hại cho màn hình, chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được thiết kế cho màn hình Dell đặc thù này.**

Nhãn hàng	Nhà sản xuất	Mẫu	Cực
Dell	Delta	DA65NM111-00	
Dell	Chicony	HA65NS5-00	

## Thông số kĩ thuật của loa

Mẫu	S2415H
Công suất định mức của loa	2 x 3 W
Độ đáp ứng tần số	200 Hz - 20 kHz
Trở kháng	4 ohm

## Đặc tính vật lí

Mẫu	S2415H
Loại đầu kết nối	D-sub 15 chân (đầu kết nối xanh lam); HDMI (MHL); đầu vào âm thanh; đầu ra tai nghe
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kĩ thuật số: có thể tháo, HDMI, 19 chân</li> <li>Kĩ thuật số: có thể tháo, MHL, 19 chân</li> </ul>
<b>Kích thước (có giá đỡ)</b>	
Chiều cao	404,6 mm (15,93 inch)
Chiều rộng	539,1 mm (21,23 inch)
Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)
<b>Kích thước (không có giá đỡ)</b>	
Chiều cao	321,1 mm (12,64 inch)
Chiều rộng	539,1 mm (21,23 inch)
Chiều sâu	45,9 mm (1,81 inch)
<b>Kích thước giá đỡ</b>	
Chiều cao	318,9 mm (12,56 inch)
Chiều rộng	190,0 mm (7,48 inch)
Chiều sâu	180,0 mm (7,09 inch)
<b>Trọng lượng</b>	
Trọng lượng với gói hàng	6,83 kg (15,06 lb)
Trọng lượng với nhóm giá đỡ và cáp	4,72 kg (10,41 lb)

Trọng lượng không có nhóm giá đỡ (Để cân nhắc việc treo tường hoặc dùng giá treo VESA - không cáp)	3,24 kg (7,14 lb)
Trọng lượng của nhóm giá đỡ	1,01 kg (2,23 lb)
Độ bóng khung mặt trước	14%~20%

## Đặc tính môi trường

<b>Mẫu</b>	<b>S2415H</b>
<b>Nhiệt độ</b>	
Lúc hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong kho: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li> <li>Lúc chuyển hàng: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)</li> </ul>
<b>Độ ẩm</b>	
Lúc hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong kho: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> <li>Lúc chuyển hàng: 5% đến 90% (không ngưng tụ)</li> </ul>
<b>Độ cao trên mực nước biển</b>	
Lúc hoạt động	5.000 m (16.404 ft) (tối đa)
Lúc không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
<b>Tần nhiệt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>122,83 BTU/giờ (tối đa)</li> <li>61,42 BTU/giờ (điển hình)</li> </ul>

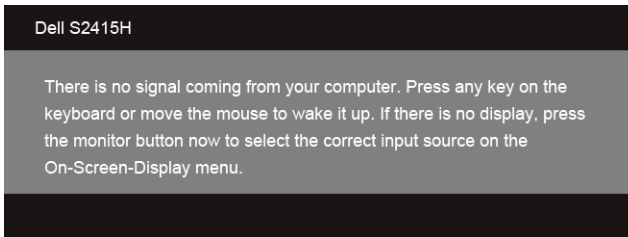
## Chế độ quản lí điện năng

Nếu bạn có thể đồ họa hay phần mềm đồ họa tuân thủ DPM của VESA, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không được sử dụng. Đây được đề cập như *Chế độ tiết kiệm điện năng\**. Nếu máy tính phát hiện thông tin vào từ bàn phím, chuột hay từ các thiết bị đầu vào khác, thì màn hình tự động chạy trở lại. Bảng sau cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tự động tiết kiệm điện năng này.

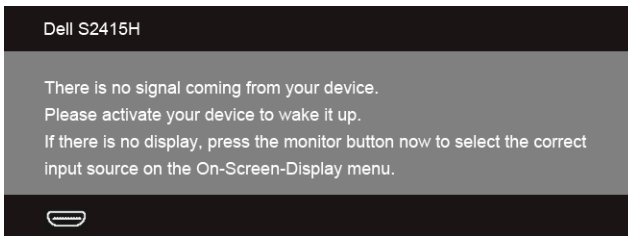
Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Đang chạy	Đang chạy	Đang chạy	Trắng	36 W (tối đa)** 18 W (điển hình)
Chế độ Ngưng chạy	Ngưng chạy	Ngưng chạy	Trống	Trắng (đang nhấp nháy)	Ít hơn 0,5 W
Tắt màn hình	-	-	-	Tắt	Ít hơn 0,5 W

Energy Star	Tiêu Thụ Điện
P <sub>on</sub>	16,7 W
E <sub>TEC</sub>	52,5 kWh

OSD chỉ chạy ở chế độ hoạt động bình thường. Khi bấm bất kì nút nào ở chế độ Ngưng chạy, một trong những thông báo sau sẽ hiển thị:



hoặc



\* Không tiêu thụ điện năng ở chế độ TẮT chỉ có thể có được khi ngắt kết nối bộ chuyển đổi nguồn ra khỏi màn hình.



\*\* Tiêu thụ điện năng tối đa với độ sáng tối đa.

Kích hoạt máy tính và màn hình để có quyền truy cập OSD.



**LƯU Ý:** Màn hình này được chứng nhận **ENERGY STAR**.



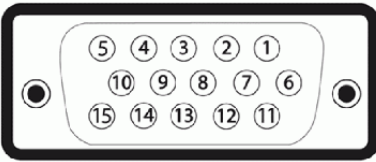
**LƯU Ý:**

**P<sub>on</sub>:** Tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

**E<sub>TEC</sub>:** Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

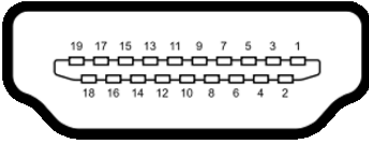
## Chỉ định chân cắm

### Đầu kết nối VGA



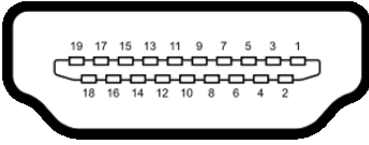
Số của chân	Mặt 15 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	NỐI ĐẤT
5	Tự kiểm thử
6	NỐI ĐẤT - ĐỎ
7	NỐI ĐẤT - LỤC
8	NỐI ĐẤT - LAM
9	Máy tính 5 V/3.3 V
10	Đồng bộ nối đất
11	NỐI ĐẤT
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ ngang
14	Đồng bộ dọc
15	Xung DDC

## Đầu kết nối HDMI



Số của chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU 2+ TMDS
2	KHIỂN CHẤM DỮ LIỆU 2 TMDS
3	DỮ LIỆU 2- TMDS
4	DỮ LIỆU 1+ TMDS
5	KHIỂN CHẤM DỮ LIỆU 1 TMDS
6	DỮ LIỆU 1- TMDS
7	DỮ LIỆU 0+ TMDS
8	KHIỂN CHẤM DỮ LIỆU 0 TMDS
9	DỮ LIỆU 0- TMDS
10	XUNG + TMDS
11	KHIỂN CHẤM XUNG TMDS
12	XUNG - TMDS
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	XUNG DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	Nối đất DDC/CEC
18	NGUỒN +5V
19	PHÁT HIỆN CẮM-RÚT

## Đầu kết nối MHL



Số của chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU 2+ TMDS
2	KHIỂN CHẶN DỮ LIỆU 2 TMDS
3	DỮ LIỆU 2- TMDS
4	DỮ LIỆU 1+ TMDS
5	NỐI ĐẤT
6	DỮ LIỆU 1- TMDS
7	MHL+
8	KHIỂN CHẶN DỮ LIỆU 0 TMDS
9	MHL-
10	XUNG + TMDS
11	NỐI ĐẤT
12	XUNG - TMDS
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	XUNG DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	NỐI ĐẤT
18	VBUS (+5V, 900mA tối đa)
19	CBUS

## Chức năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình này vào bất kì hệ thống nào tương thích chức năng Cắm và Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ liệu Nhận dạng Hiển thị Mở rộng (EDID) bằng các giao thức Kênh Dữ liệu Hiển thị (DDC) để các hệ thống có thể tự thiết định chính mình và tối ưu hóa các thiết đặt màn hình. Hầu hết việc cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn những thiết đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi thiết đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

# Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh

Trong suốt quy trình sản xuất màn hình LCD, thường thì một hay nhiều điểm ảnh sẽ nằm cố định ở một trạng thái không thay đổi mà rất khó thấy và không gây tác động đến chất lượng hiển thị hay tính sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và chính sách điểm ảnh của Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.

## Hướng dẫn bảo trì

### Lau màn hình



**CẢNH BÁO:** Trước khi lau màn hình, hãy rút dây cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.




**THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.


Để biết được cách thực hiện tốt nhất, hãy làm theo các chỉ dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói hàng, lau chùi, hoặc khi cầm màn hình:

- Để lau màn hình tĩnh điện, hơi thấm ướt miếng vải mềm sạch với nước. Nếu được, hãy dùng khăn giấy hoặc dung dịch đặc biệt phù hợp với lớp phủ tĩnh điện để lau màn hình. Không dùng benzene, chất pha loãng, ammonia, chất tẩy rửa có hạt, hay khí nén.
- Hãy dùng miếng vải ẩm, hơi thấm ướt để lau màn hình. Tránh dùng bất kỳ loại bột giặt nào do một số bột giặt sẽ để lại lớp màng trắng sữa trên màn hình.
- Nếu bạn để ý thấy bột trắng khi mở lấy màn hình ra, thì hãy dùng miếng vải lau sạch nó.
- Cầm màn hình cẩn thận do màn hình màu tối có thể bị trầy và để để lại các vết xước trắng hơn so với màn hình màu sáng.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy dùng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động và tắt màn hình khi không dùng tới.

# Lắp đặt màn hình

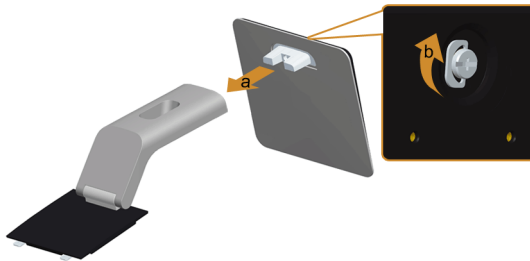
## Gắn giá đỡ

 **LƯU Ý:** Giá dựng và chân đế được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

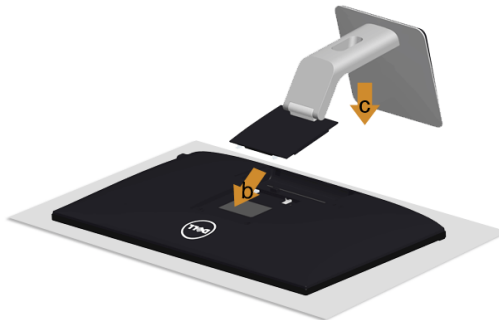
 **LƯU Ý:** Quy trình bên dưới thích hợp cho giá đỡ mặc định này. Nếu bạn mua bất kì giá đỡ nào khác, hãy xem tài liệu hướng dẫn gửi kèm với giá đỡ này để biết cách lắp.

 **CẢNH BÁO:** Đặt màn hình ở bề mặt phẳng, sạch sẽ và mềm để tránh trầy xước bản nền màn hình.

- 1 Lắp giá dựng vào chân đế.



- a Gắn giá dựng vào chân đế.
  - b Vặn chặt ốc bên dưới chân đế.
- 2 Gắn bộ giá đỡ này vào màn hình.



- a Tháo vỏ bọc và đặt màn hình lên nó.
- b Chèn hai miếng thẻ ở phần trên cùng giá đỡ vào khe ở sau lưng màn hình.
- c Ấn giá đỡ xuống đến khi nó khớp đúng chỗ.

# Kết nối màn hình

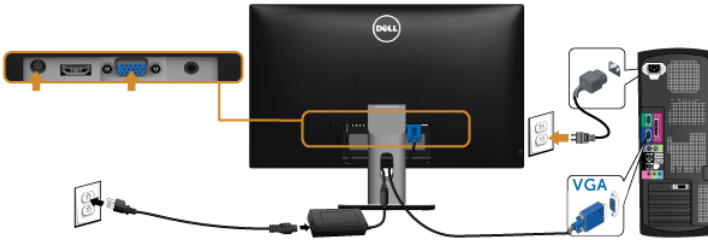
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào ở phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

**✍ LƯU Ý:** Không được kết nối tất cả các dây cáp vào máy tính cùng một lúc.

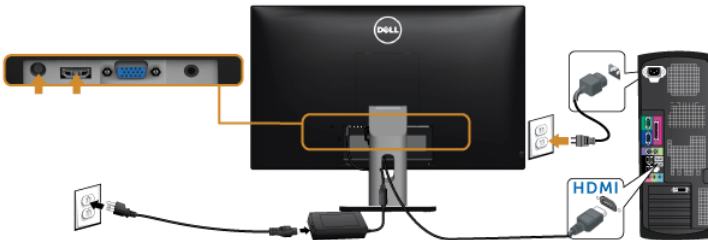
Để kết nối màn hình vào máy tính:

- 1 Tắt máy tính và ngắt kết nối dây cáp nguồn.
- 2 Kết nối dây cáp VGA/HDMI/âm thanh từ màn hình vào máy tính.

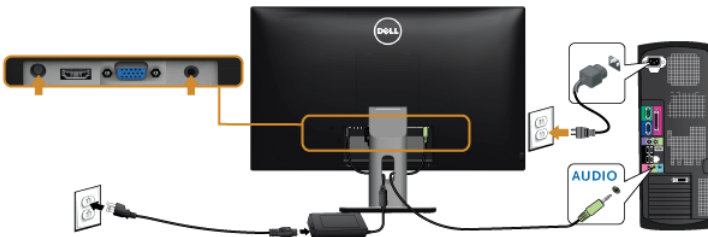
## Kết nối dây cáp VGA xanh lam







## Kết nối dây cáp HDMI

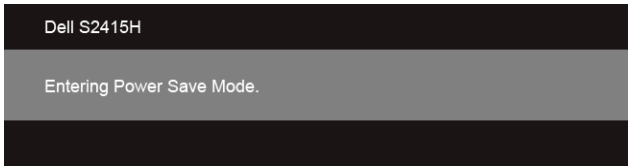


## Kết nối dây cáp âm thanh



## Dùng Liên kết độ nét cao di động (MHL)

-  **LƯU Ý:** Màn hình này được chứng nhận MHL.
-  **LƯU Ý:** Để dùng chức năng MHL, chỉ dùng cáp được chứng nhận MHL và các thiết bị nguồn hỗ trợ đầu ra MHL.
-  **LƯU Ý:** Một số thiết bị nguồn MHL có thể mất hơn vài giây hoặc lâu hơn chút để xuất ra hình ảnh, tùy thuộc vào thiết bị nguồn MHL nào.
-  **LƯU Ý:** Khi thiết bị nguồn MHL đang kết nối lại ở chế độ Tạm nghỉ, màn hình sẽ hiển thị khung hình đen hoặc thông báo dưới đây, tùy thuộc vào đầu ra của thiết bị nguồn MHL.



Để bật kết nối MHL, vui lòng thực hiện các bước bên dưới:

- 1 Cắm bộ chuyển đổi nguồn vào màn hình và vào ổ điện.
- 2 Kết nối cổng (micro) USB trên thiết bị nguồn MHL vào cổng HDMI (MHL) trên màn hình với dây cáp được chứng nhận MHL (Xem [Góc nhìn mặt dưới](#) để biết thêm chi tiết).
- 3 Bật màn hình và thiết bị nguồn MHL.




- 4 Chọn nguồn đầu vào trên màn hình cho HDMI (MHL) bằng cách dùng menu OSD (Xem [Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình \(OSD\)](#) để biết chi tiết).
- 5 Nếu màn hình không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động \(MHL\)](#).

## Sắp xếp dây cáp



Sau khi gắn tất cả dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình](#) để biết cách gắn cáp), hãy sắp xếp tất cả dây cáp như minh họa bên trên.

## Gắn nắp che cáp

 **LƯU Ý:** Nắp che cáp được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

- 1 Chèn hai miếng thẻ ở phần dưới cùng của nắp che cáp vào khe nằm ở lưng màn hình.
- 2 Ấn nắp che cáp cho đến khi nó khớp đúng chỗ.





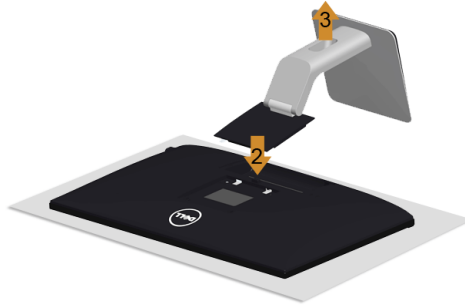
## Gỡ giá đỡ màn hình

**△ THẬN TRỌNG:** Để tránh trầy xước trên màn hình LCD khi gỡ bỏ giá đỡ, hãy đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm, sạch sẽ.

**✍ LƯU Ý:** Quy trình bên dưới thích hợp cho giá đỡ mặc định này. Nếu bạn mua bất kì giá đỡ nào khác, hãy xem tài liệu hướng dẫn gửi kèm với giá đỡ này để biết cách lắp.

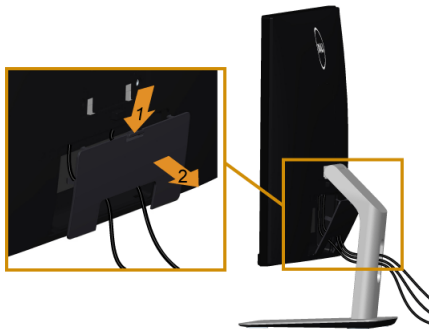
Để gỡ giá đỡ:

- 1 Đặt màn hình trên miếng vải hay miếng đệm mềm.
- 2 Ấn và giữ nút thả giá đỡ.
- 3 Nâng giá đỡ lên cao ra khỏi màn hình.

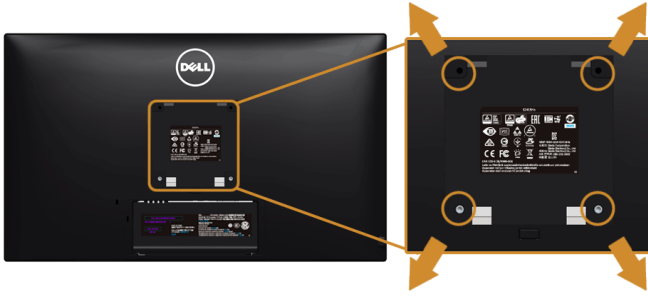


## Gỡ nắp che cáp

- 1 Ấn miếng thẻ trên nắp che cáp.
- 2 Gỡ hai miếng thẻ ở phần dưới cùng của nắp che cáp ra khỏi khe nằm ở lưng màn hình.



## Treo tường (tuỳ chọn)



**LƯU Ý:** Dùng đinh vít M4 x 10 mm để nối màn hình với bộ treo tường.

Tham khảo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích với VESA.

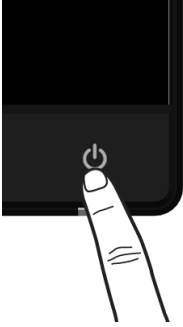
- 1 Đặt bản nền màn hình lên miếng vải hay miếng đệm mềm trên chiếc bàn cố định, phẳng.
- 2 Gỡ giá đỡ.
- 3 Dùng tua-vít đầu chữ thập của Phillips để gỡ bốn đinh ốc giữ chặt nắp nhựa.
- 4 Lấy giá treo ra bộ treo tường và gắn vào màn hình.
- 5 Treo màn hình lên tường theo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường.

**LƯU Ý:** Chỉ dùng với giá treo được UL liệt kê với trọng lượng/tải trọng tối thiểu chịu được 5,88 kg (12,96 lb).

# Vận hành màn hình

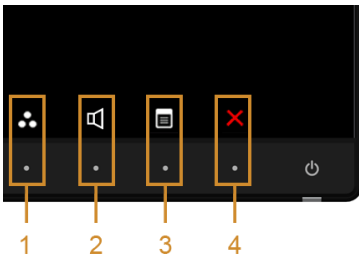
## Bật nguồn màn hình

Bấm nút  để Bật màn hình.







## Sử dụng Bộ điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các đặc tính của hình ảnh hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số của những đặc tính khi chúng thay đổi.



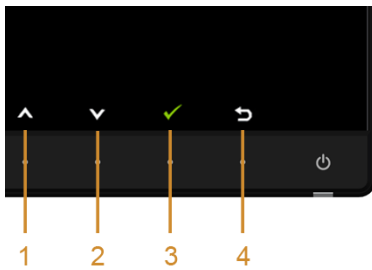
Bảng sau mô tả các nút mặt trước:





Nút mặt trước	Mô tả
<p>1</p>  <p><b>Phím tắt/ Chế độ thiết lập sẵn</b></p>	<p>Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.</p>

2		Sử dụng nút này để trực tiếp truy cập thanh điều chỉnh mức <b>Âm lượng</b> .
3	 Menu	Sử dụng nút <b>MENU</b> để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem <a href="#">Truy cập hệ thống menu</a> .
4	 Thoát	Sử dụng nút này để trở lại menu chính hoặc để thoát khỏi menu chính của OSD.

## Nút mặt trước

Sử dụng các nút ở mặt trước màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.




Nút mặt trước	Mô tả
1  Tăng	Sử dụng nút <b>Tăng</b> để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  Giảm	Sử dụng nút <b>Giảm</b> để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  OK	Sử dụng nút <b>OK</b> để xác nhận lựa chọn của bạn.
4  Quay lại	Sử dụng nút <b>Quay lại</b> để trở lại menu trước đó.

# Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

## Truy cập hệ thống menu



**LƯU Ý:** Nếu bạn thay đổi thiết đặt này và sau đó đi vào menu khác hoặc thoát khỏi menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu các thay đổi đó. Những thay đổi này cũng được lưu nếu bạn thay đổi các thiết đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

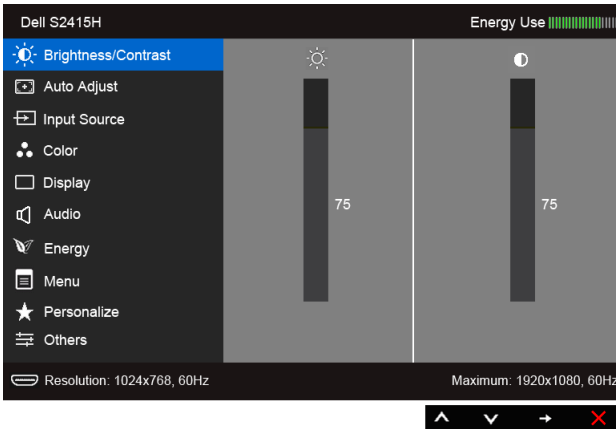
- 1 Bấm nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.










### Menu chính cho đầu vào VGA


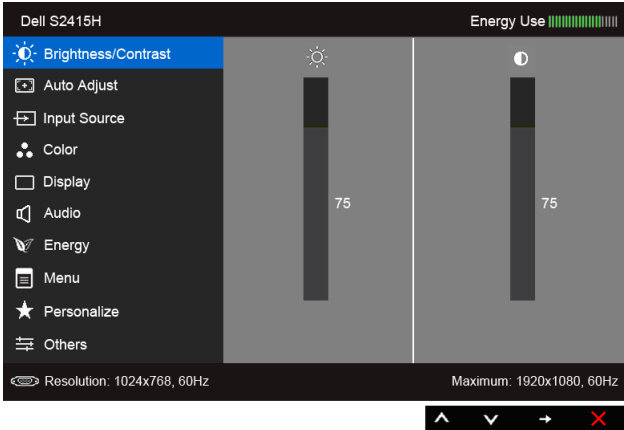






hoặc

### Menu chính cho đầu vào HDMI (MHL)



- Sử dụng  và  để di chuyển qua lại giữa các tùy chọn trong menu. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng kia, tên tùy chọn sẽ được tô sáng. Xem bảng sau để thấy danh sách hoàn chỉnh của tất cả các tùy chọn sẵn có đối với màn hình này.
- Sử dụng  để kích hoạt tùy chọn được tô sáng.
- Sử dụng  và  để chọn thông số mong muốn.
- Sử dụng  để vào thanh trượt và sau đó sử dụng  và , theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
- Chọn  để quay lại menu chính.

Biểu tượng	Menu và các menu con	Mô tả
	<b>Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)</b>	Sử dụng menu này để kích hoạt phần điều chỉnh <b>Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)</b> .
		
<b>Brightness (Độ sáng)</b>	<b>Brightness (Độ sáng)</b> điều chỉnh mức sáng của đèn nền. Sử dụng  để tăng độ sáng và sử dụng  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).	
<b>LƯU Ý:</b> Phần điều chỉnh <b>Brightness (Độ sáng)</b> theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá khi <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b> được Bật.		
<b>Contrast (Độ tương phản)</b>	Điều chỉnh <b>Brightness (Độ sáng)</b> trước tiên, và sau đó điều chỉnh <b>Contrast (Độ tương phản)</b> chỉ khi nào cần điều chỉnh thêm. Sử dụng  để tăng độ tương phản và sử dụng  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100). Chức năng <b>Contrast (Độ tương phản)</b> điều chỉnh mức chênh lệch giữa tối và sáng trên màn hình.	



## Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)

Cho dù máy tính bạn nhận ra màn hình lúc khởi động, nhưng chức năng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)** sẽ tối ưu hoá thiết đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.

**Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)** cho phép màn hình tự điều chỉnh để phù hợp với tín hiệu video đi vào. Sau khi sử dụng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)**, bạn có thể chỉnh thêm màn hình của mình bằng cách sử dụng điều khiển **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** (thô) và **Phase (Pha)** (mịn) bên dưới menu **Display (Hiển thị)**.

Auto Adjustment in Progress...

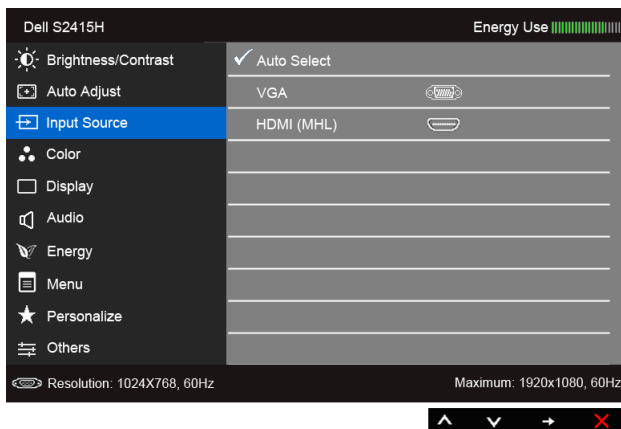
**LƯU Ý:** Trong hầu hết trường hợp, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** sẽ tạo ra hình ảnh tốt nhất cho cấu hình của bạn.

**LƯU Ý:** Tùy chọn **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** chỉ sẵn có khi bạn dùng đầu kết nối tuần tự (VGA).



## Input Source (Nguồn đầu vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn đầu vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối vào màn hình.



## Auto Select (Chọn tự động)

Sử dụng **→** để chọn **Auto Select (Chọn tự động)**, màn hình sẽ quét tìm những nguồn đầu vào sẵn có.

### VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối tuần tự (VGA). Sử dụng **→** để chọn nguồn đầu vào VGA.

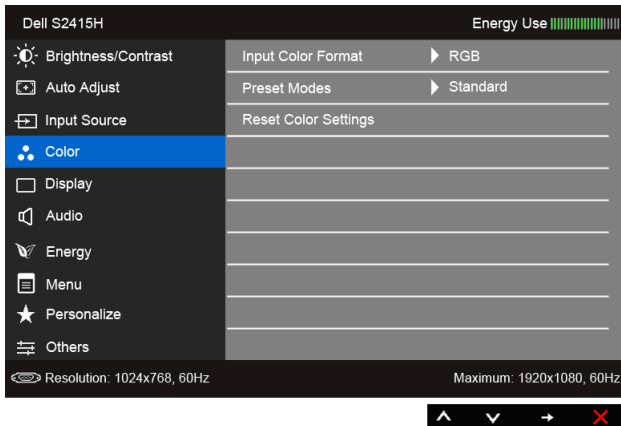
### HDMI (MHL)

Chọn đầu vào **HDMI (MHL)** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối HDMI. Sử dụng **→** để chọn nguồn đầu vào HDMI (MHL).



## Color (Màu sắc)

Sử dụng menu **Color (Màu sắc)** để điều chỉnh chế độ thiết đặt màu.



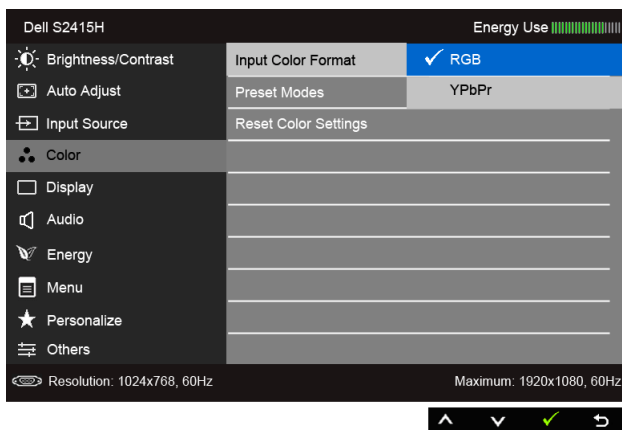
### Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn thiết đặt chế độ đầu vào video thành:

**RGB:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp HDMI; hoặc kết nối với thiết bị MHL bằng cáp MHL.

**YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với một đầu đĩa DVD bằng YPbPr dùng cáp HDMI; hoặc với thiết bị MHL bằng YPbPr dùng cáp MHL.

Hoặc nếu thiết đặt đầu ra màu sắc của DVD (hay thiết bị MHL) không phải RGB.





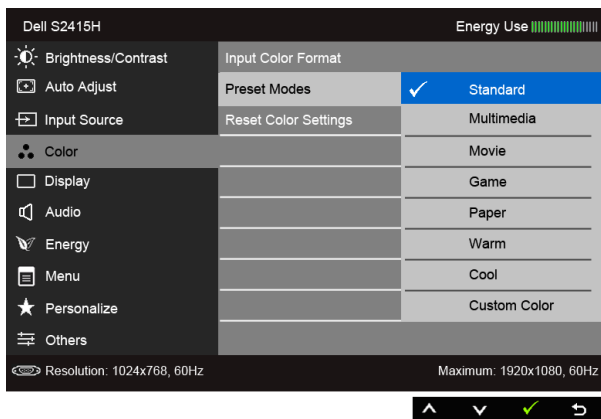


**Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**

Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim ảnh)**, **Game (Trò chơi)**, **Paper (Trang giấy)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Mát)**, hay **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách này.



- **Standard (Tiêu chuẩn)**: Nạp vào thiết đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ thiết lập sẵn mặc định.
- **Multimedia (Đa phương tiện)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim ảnh)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho phim ảnh.
- **Game (Trò chơi)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho hầu hết các ứng dụng game.
- **Paper (Trang giấy)**: Nạp vào thiết đặt độ sáng và độ sắc nét lí tưởng cho việc xem văn bản. Hoà trộn nền văn bản để mô phỏng chất liệu trang giấy mà không ảnh hưởng đến ảnh màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.
- **Warm (Ấm)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên ấm hơn với sắc thái đỏ/vàng.
- **Cool (Mát)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên mát hơn với sắc thái xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**: Cho phép bạn điều chỉnh thủ công các thiết đặt màu.


Sử dụng  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra kiểu màu thiết lập sẵn của riêng bạn.



---

**Hue (Sắc độ)**

Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang xanh lục hay tím. Tính năng này được dùng để điều chỉnh màu mong muốn theo tông màu da. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh sắc độ từ '0' đến '100'.



Sử dụng  để tăng sắc xanh lục của hình ảnh video.


Sử dụng  để tăng sắc tím của hình ảnh video.


**LƯU Ý:** Điều chỉnh **Hue (Sắc độ)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

**Saturation (Độ bão hoà)**

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Sử dụng  or  để điều chỉnh độ bão hoà từ '0' đến '100'.

Sử dụng  để tăng diện mạo đơn sắc của hình ảnh video.

Sử dụng  để tăng diện mạo màu sắc của hình ảnh video.

**LƯU Ý:** Điều chỉnh **Saturation (Độ bão hoà)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game (Trò chơi)**.

---

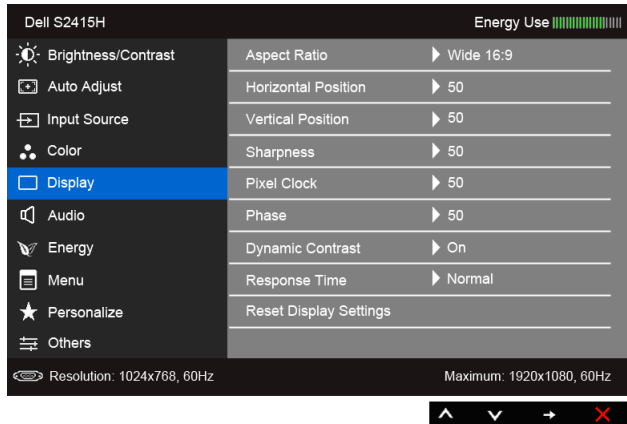
**Reset Color Settings (Cài lại thiết đặt màu)**

Cài lại thiết đặt màu màn hình của bạn về thiết đặt xuất xưởng.

---

**Display (Hiện thị)**










Sử dụng menu **Display (Hiện thị)** để điều chỉnh hình ảnh.



---

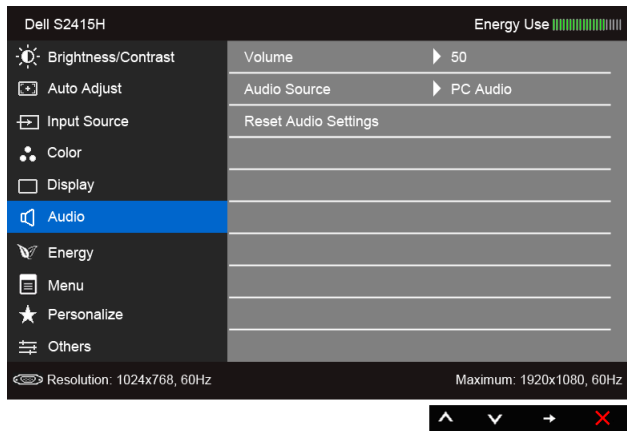
**Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)**



Điều chỉnh tỉ lệ hình ảnh thành **Wide (Rộng) 16:9**, **4:3**, hoặc **5:4**.

<b>Horizontal Position (Vị trí phương ngang)</b>	Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh sang trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
<b>Vertical Position (Vị trí phương dọc)</b>	Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+). <b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh <b>Horizontal Position (Vị trí phương ngang)</b> và <b>Vertical Position (Vị trí phương dọc)</b> chỉ sẵn có cho đầu vào "VGA".
<b>Sharpness (Độ sắc nét)</b>	Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.
<b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b>	Điều chỉnh <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích của mình. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.
<b>Phase (Pha)</b>	Nếu không có được kết quả thoả mãn bằng điều chỉnh <b>Phase (Pha)</b> , hãy sử dụng điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> (thô) và sau đó sử dụng lại <b>Phase (Pha)</b> (mịn). <b>LƯU Ý:</b> Điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b> chỉ sẵn có đối với đầu vào "VGA".
<b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b>	Cho phép bạn tăng mức tương phản nhằm mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét hơn và chi tiết hơn. Sử dụng  để chọn <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b> "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)". <b>LƯU Ý:</b> <b>Dynamic Contrast (Độ tương phản động)</b> mang lại độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ thiết lập sẵn <b>Game (Trò chơi)</b> hoặc <b>Movie (Phim ảnh)</b> .
<b>Response Time (Thời gian đáp ứng)</b>	Cho phép bạn thiết đặt <b>Response Time (Thời gian phản hồi)</b> thành <b>Normal (Bình thường)</b> hoặc <b>Fast (Nhanh)</b> .
<b>Reset Display Settings (Cài lại thiết đặt hiển thị)</b>	Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt hiển thị mặc định.



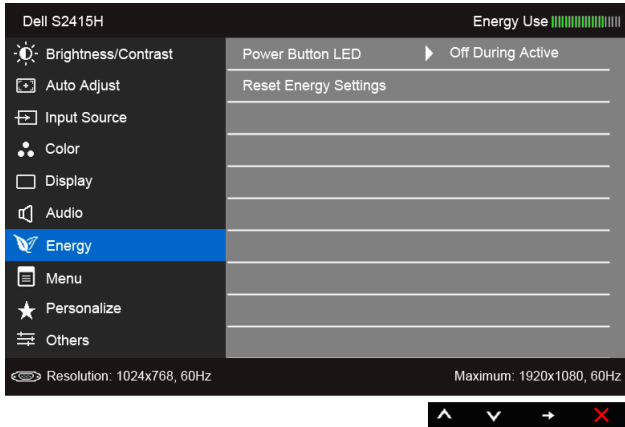
## Audio (Âm thanh)



- 
- |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Volume (Âm lượng)</b>                                 | Cho phép bạn thiết đặt mức âm lượng của nguồn âm thanh. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức âm lượng từ '0' đến '100'. |
| <b>Audio Source (Nguồn âm thanh)</b>                     | Cho phép bạn thiết đặt nguồn âm thanh thành <b>PC Audio (Âm thanh máy tính)</b> hoặc <b>HDMI (MHL)</b> .<br><b>LƯU Ý:</b> Tùy chọn <b>Audio Source (Nguồn âm thanh)</b> chỉ sẵn có khi bạn sử dụng đầu kết nối HDMI (MHL).                                                            |
| <b>Reset Audio Settings (Cài lại thiết đặt âm thanh)</b> | Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt âm thanh mặc định.                                                                                                                                                                                                                           |
-



## Energy (Năng lượng)

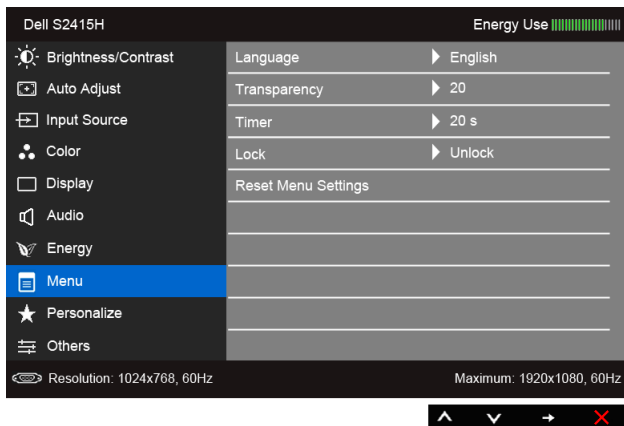






**Power Button LED (LED nút nguồn)** Cho phép bạn thiết đặt chỉ báo LED của nguồn thành **Bật** hoặc **Tắt** để tiết kiệm năng lượng.

**Reset Energy Settings (Cài lại thiết đặt năng lượng)** Chọn tùy chọn này để khôi phục các thiết đặt **Energy (Năng lượng)** mặc định.



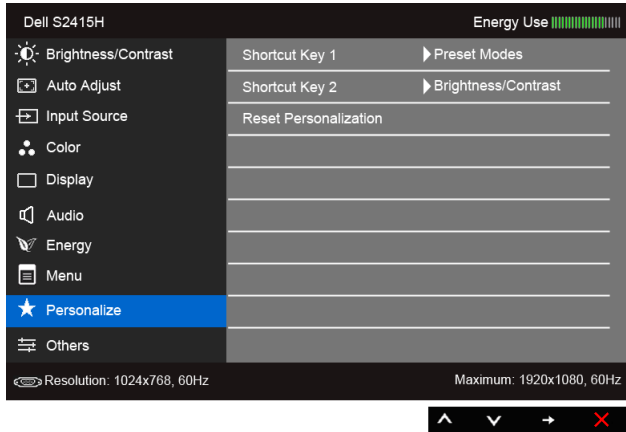
**Menu (Menu)** Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các thiết đặt của OSD, chẳng hạn ngôn ngữ của OSD, lượng thời gian hiện menu trên màn hình, v.v.



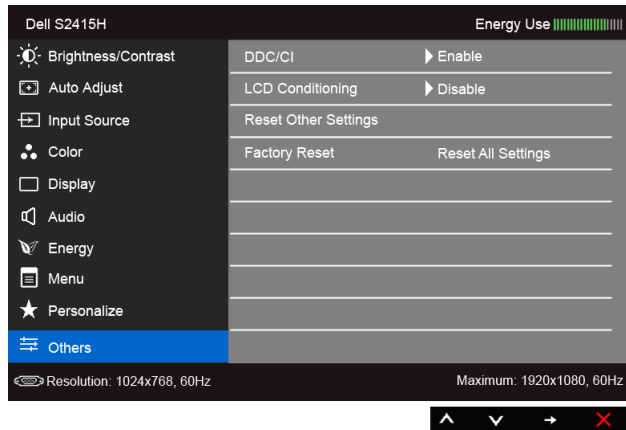
<b>Language (Ngôn ngữ)</b>	Tùy chọn <b>Language (Ngôn ngữ)</b> thiết đặt hiển thị OSD theo một trong tám ngôn ngữ (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Brazil, Bồ Đào Nha, Nga, tiếng Trung giản thể, hoặc Nhật).
<b>Transparency (Độ trong suốt)</b>	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách sử dụng  và  (tối thiểu 0 / tối đa 100).
<b>Timer (Bộ định giờ)</b>	<p><b>OSD Hold Time (Thời gian duy trì OSD):</b> thiết đặt khoảng thời gian mà OSD vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bấm một nút nào đó.</p> <p>Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt theo mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.</p>
<b>Lock (Khóa)</b>	<p>Kiểm soát truy cập của người dùng vào những phần điều chỉnh. Khi chọn <b>Lock (Khóa)</b>, người dùng sẽ không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đã bị khóa.</p> <p><b>LƯU Ý:</b></p> <p>Chức năng <b>Lock (Khóa)</b> – Khóa mềm (thông qua menu OSD) hay khóa cứng (bấm và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây)</p> <p>Chức năng <b>Unlock (Mở khóa)</b> – Chỉ có mở khóa cứng (bấm và giữ nút bên cạnh nút nguồn trong 10 giây)</p>
<b>Reset Menu Settings (Cài lại thiết đặt menu)</b>	Cài lại tất cả các thiết đặt OSD về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.



**Personalize** Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)**, hoặc **Volume (Âm lượng)** và đặt tính năng đó làm phím tắt.



## Others (Khác)

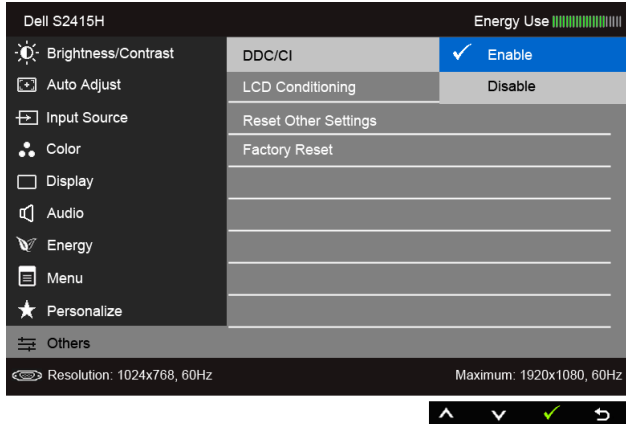


## DDC/CI

**DDC/CI** (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện dòng lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số của màn hình (độ sáng, cân bằng màu, v.v.) thông qua phần mềm trên máy tính.

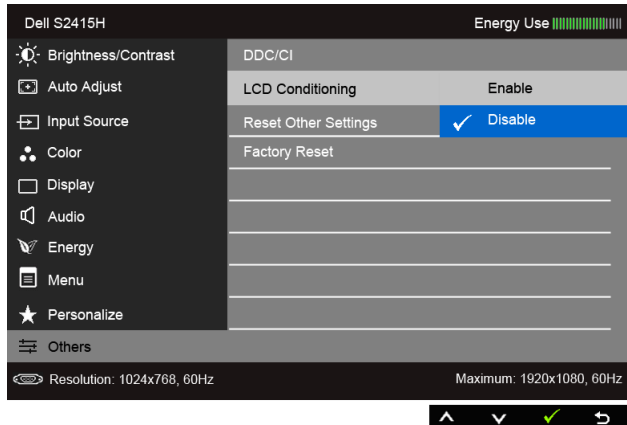
Bạn có thể vô hiệu hoá tính năng này bằng cách chọn **Disable (Vô hiệu hoá)**.

Bật tính năng này để có được trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu năng tối ưu cho màn hình.



## LCD Conditioning (Điều hoà LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp mắc lỗi lưu ảnh không đáng kể. Tùy thuộc vào mức độ lỗi lưu ảnh, việc chạy chương trình này có thể mất chút thời gian. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Bật)**.






---

**Reset Other Settings (Cài lại các thiết đặt khác)** Cài lại tất cả các thiết đặt ở trong menu **Others (Khác)** về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.

---

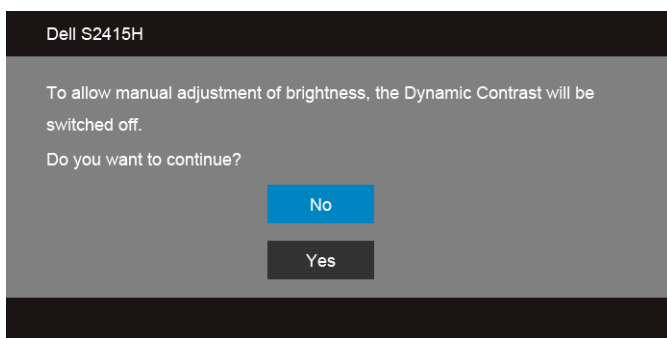
**Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)** Cài lại tất cả các thiết đặt về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.

---

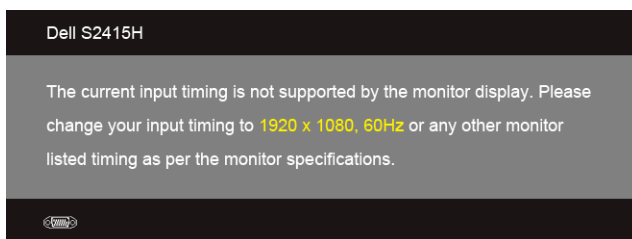
 **LƯU Ý:** Màn hình này có một tính năng tích hợp để tự động định cỡ cho độ sáng nhằm bù đắp cho việc lão hoá đèn LED.

## Thông điệp cảnh báo của OSD

Khi bật tính năng **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong những chế độ thiết lập sẵn này: **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim ảnh)**), phần điều chỉnh độ sáng theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá.

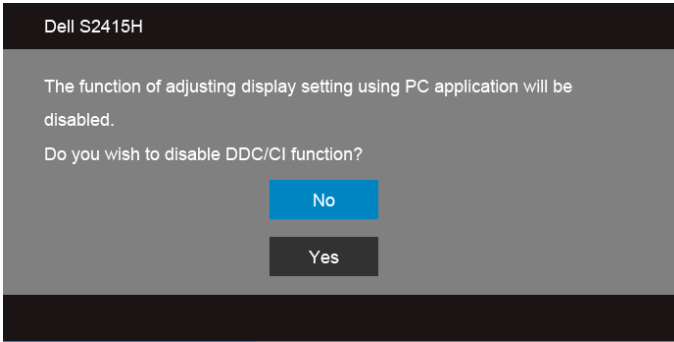


Khi màn hình không hỗ trợ một kiểu độ phân giải đặc biệt nào đó, bạn sẽ thấy thông điệp sau:

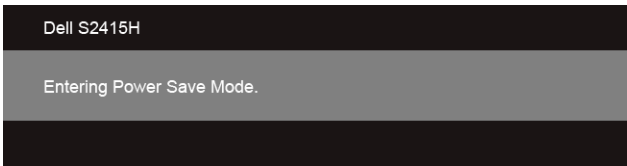


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ hoá với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem [Thông số kĩ thuật màn hình](#) để biết phạm vi tần số Ngang và Dọc được màn hình xử lí. Kiểu đề xuất là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông điệp sau trước khi vô hiệu hoá chức năng DDC/CI:



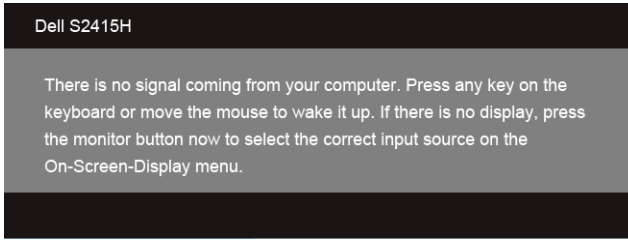
Khi màn hình đi vào chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện năng)**, thông điệp sau sẽ xuất hiện:



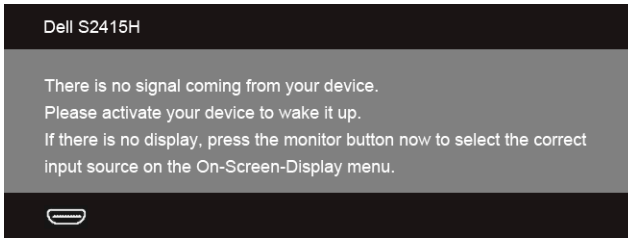
Kích hoạt máy tính và đánh thức màn hình để có thể truy cập [OSD](#).

Nếu bạn bấm bất kì nút nào thay vì nút nguồn, một trong những thông điệp sau sẽ xuất hiện tùy thuộc đầu vào được chọn:

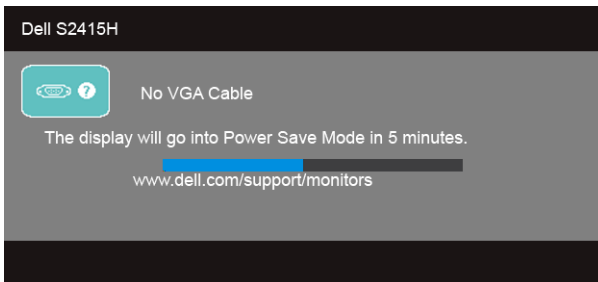
## Đầu vào VGA/HDMI (MHL)



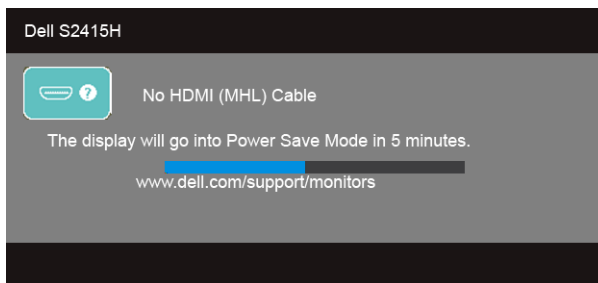
hoặc



Nếu đầu vào VGA hoặc HDMI (MHL) được chọn và cáp tương ứng không kết nối, thì sẽ xuất hiện một hộp thoại nổi lên như minh hoạ bên dưới.



hoặc



Xem [Vận hành màn hình](#) để biết thêm thông tin.

# Thiết đặt độ phân giải tối đa

Để thiết đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows® 7, Windows® 8, và Windows® 8.1:

- 1 Riêng đối với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền kiểu cổ điển.
- 2 Bấm chuột phải lên màn hình nền và bấm **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
- 3 Bấm vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Bấm **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không thấy tùy chọn 1920 x 1080, có thể bạn cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong những thủ tục sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell:

- Hãy ghé <http://www.dell.com/support>, điền vào thẻ dịch vụ (service tag), và tải về trình điều khiển dành cho thẻ đồ họa của bạn.

Nếu bạn sử dụng máy tính không phải của Dell (di động hoặc để bàn):

- Hãy ghé trang hỗ trợ dành cho máy tính đó và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Hãy ghé trang web của thẻ đồ họa trong máy và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.

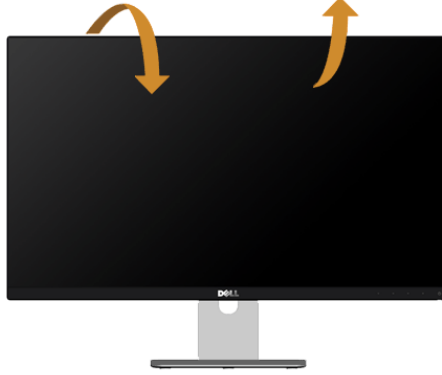
## Dùng chức năng nghiêng

**LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

### Độ nghiêng

Khi giá đỡ được gắn vào màn hình, bạn có thể nghiêng màn hình để có được góc nhìn thoải mái nhất.

5° typical ( 6° maximum )    21° typical ( 22° maximum )



**LƯU Ý:** Giá được tháo ra khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

# Khắc phục sự cố



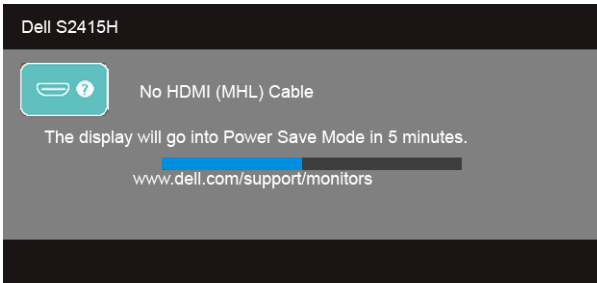
**CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

## Tự kiểm tra

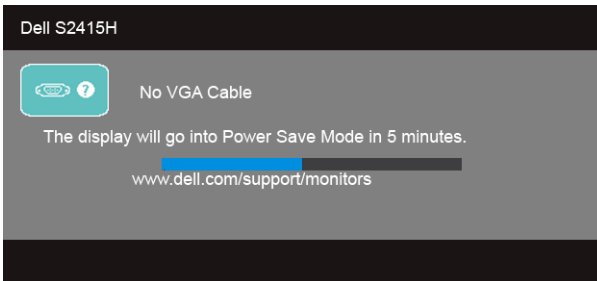
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động đúng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tính năng tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

- 1 Tắt cả máy tính lẫn màn hình.
- 2 Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, hãy tháo tất cả các cáp Kĩ thuật số và Tuần tự khỏi phần sau máy tính.
- 3 Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không thể bắt được tín hiệu video và đang hoạt động đúng. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn luôn sáng trắng. Ngoài ra, tùy vào đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại như minh họa dưới đây sẽ liên tục di chuyển qua màn hình.



hoặc



- Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
- Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video, rồi Bật cả máy tính lẫn màn hình.

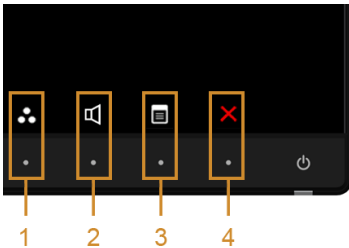
Nếu màn hình của bạn vẫn bị trống sau khi bạn sử dụng thủ tục trước, hãy kiểm tra trình điều khiển video và máy tính của bạn, vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng.

## Chẩn đoán tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn giúp bạn xác định xem vấn đề bất thường của màn hình mà bạn đang gặp có phải là vấn đề vốn có của màn hình hay của máy tính và thẻ đồ họa.



**LƯU Ý:** Chỉ khi nào cáp video được rút ra và màn hình đang ở *chế độ tự kiểm tra*, bạn mới chạy được chẩn đoán tích hợp sẵn.



Để chạy chẩn đoán tích hợp sẵn:

- Đảm bảo màn hình sạch (không có bụi trên bề mặt màn hình).
- Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính hay màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
- Nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** trên bảng điều khiển phía trước trong 2 giây. Một màn hình xám xuất hiện.
- Cẩn thận kiểm tra màn hình xem có điều gì bất thường không.
- Nhấn **Nút 4** trên bảng điều khiển phía trước một lần nữa. Màu màn hình chuyển thành đỏ.
- Kiểm tra hiển thị xem có vấn đề bất thường không.
- Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong màn hình màu xanh lục, xanh lam, đen, trắng và văn bản.

Kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn **Nút 4** một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kì điều bất thường nào trên màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn, tức là màn hình đang hoạt động đúng. Kiểm tra thẻ đồ họa và máy tính.

# Các vấn đề thông thường

Bảng sau cho biết thông tin chung về các vấn đề thông thường với màn hình mà bạn có thể gặp phải cũng như cho biết các giải pháp khả thi:

Dấu hiệu thường gặp	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/ đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng và an toàn.</li><li>• Xác nhận ổ cắm điện đang hoạt động đúng bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết mức.</li><li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu <a href="#">Input Source (Nguồn đầu vào)</a>.</li></ul>
Không có video/ đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.</li><li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình.</li><li>• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li><li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li><li>• Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu <a href="#">Input Source (Nguồn đầu vào)</a>.</li></ul>
Hình ảnh mờ	Hình ảnh bị mờ, nhoè hoặc có bóng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li><li>• Điều chỉnh các nút điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li><li>• Loại bỏ cáp mở rộng video.</li><li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li><li>• Thay đổi độ phân giải video theo tỉ lệ khung hình chính xác.</li></ul>
Video bị rung/lắc	Hình ảnh bị gợn sóng hoặc hơi giật	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li><li>• Điều chỉnh các nút điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li><li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Dời màn hình và kiểm tra ở phòng khác.</li></ul>
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có đốm	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nguồn Bật-Tắt liên tục.</li><li>• Điểm ảnh bị Tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li></ul>



Điểm ảnh tẻ liệt	Màn hình LCD có đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguồn Bật-Tắt liên tục.</li> <li>• Điểm ảnh bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.</li> <li>• Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: <a href="http://www.dell.com/support/monitors">http://www.dell.com/support/monitors</a>.</li> </ul>
Các vấn đề về độ sáng	Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> <li>• <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Điều chỉnh các nút điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.</li> </ul>
Biến dạng hình học	Màn hình không được căn giữa đúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> <li>• <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Điều chỉnh các nút điều khiển ngang và dọc thông qua OSD.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI, các điều chỉnh vị trí không sẵn dùng.</p>
Sọc ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều sọc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> <li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Điều chỉnh các nút điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem có phải những sọc này cũng có trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Khi sử dụng đầu vào HDMI, các điều chỉnh <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> và <b>Phase (Pha)</b> không sẵn dùng.</p>
Các vấn đề đồng bộ hoá	Màn hình hiển thị lộn xộn hoặc có vẻ bị đứt gãy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> <li>• Thực hiện <b>Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Điều chỉnh các nút điều khiển <b>Phase (Pha)</b> và <b>Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)</b> thông qua OSD.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình hỗn độn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không.</li> <li>• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> <li>• Khởi động lại máy tính trong Safe Mode (Chế độ an toàn).</li> </ul>
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Dấu hiệu khói hoặc tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không thực hiện bất kì bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>• Liên hệ Dell ngay lập tức.</li> </ul>

Các vấn đề chụp chờn	Lỗi màn hình bật rồi tắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn.</li> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> <li>• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem vấn đề chụp chờn có xảy ra trong chế độ tự kiểm tra không.</li> </ul>
Thiếu màu	Hình ảnh thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện tự kiểm tra màn hình.</li> <li>• Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn.</li> <li>• Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.</li> </ul>
Sai màu	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thay đổi thiết đặt của <b>Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)</b> trong phần <b>Color (Màu sắc)</b> của menu OSD tùy theo ứng dụng.</li> <li>• Điều chỉnh giá trị R/G/B trong <b>Custom (Tùy chỉnh), Color (Màu sắc)</b> trong phần <b>Color (Màu sắc)</b> của menu OSD.</li> <li>• Thay đổi <b>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</b> thành PC RGB hoặc YPbPr trong phần <b>Color (Màu sắc)</b> của menu OSD.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> </ul>
Lỗi lưu ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong thời gian dài	Trên màn hình xuất hiện bóng mờ từ hình ảnh hiển thị dạng tĩnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ khi nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Chế độ quản lý điện năng</a>).</li> <li>• Nếu không, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động.</li> </ul>

## Các vấn đề cụ thể của sản phẩm

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa trên màn hình, nhưng không lấp hết toàn bộ khu vực xem	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra thiết đặt <b>Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)</b> trong phần <b>Display (Hiển thị)</b> của menu OSD.</li> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> </ul>
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển mặt trước	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình, rút cáp nguồn màn hình, cắm lại, rồi Bật màn hình.</li> <li>• Kiểm tra xem menu OSD có bị khoá không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên cạnh nút Nguồn trong 10 giây để mở khoá (để biết thêm thông tin, xem <a href="#">Lock (Khóa)</a>).</li> </ul>

Không có Tín hiệu đầu vào khi nhấn nút điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng trắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kì trên bàn phím.</li> <li>• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.</li> <li>• Cài lại máy tính hoặc đầu phát video.</li> </ul>
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình	Hình ảnh không thể lấp hết chiều cao hoặc chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Do định dạng video (tỉ lệ khung hình) khác nhau của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.</li> <li>• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.</li> </ul>

## Các vấn đề cụ thể về Liên kết độ nét cao di động (MHL)

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Giao diện MHL không hoạt động	Không thể nhìn thấy hình ảnh thiết bị MHL trên màn hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo cáp MHL và thiết bị MHL của bạn có chứng nhận MHL.</li> <li>• Kiểm tra xem thiết bị MHL của bạn có Bật chưa.</li> <li>• Đảm bảo thiết bị MHL của bạn không ở chế độ Tạm nghỉ.</li> <li>• Kiểm tra kết nối cáp MHL vật lí tương ứng với nguồn đầu vào đã chọn trên Menu OSD: HDMI (MHL).</li> <li>• Chờ 30 giây sau khi kết nối cáp MHL do một số thiết bị MHL cần thời gian phục hồi lâu hơn.</li> </ul>

## Các vấn đề cụ thể về loa ngoài

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có âm thanh phát ra từ loa	Không thể nghe thấy âm thanh gì	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tắt màn hình, rút dây nguồn màn hình, cắm lại, rồi Bật màn hình.</li> <li>• Kiểm tra kết nối cáp âm thanh được kết nối đúng với cổng ra âm thanh của máy tính.</li> <li>• Rút giắc cắm tai nghe khỏi cổng tai nghe.</li> <li>• Cài lại màn hình về thiết đặt xuất xưởng.</li> </ul>

# Phụ lục

---

## CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn



**CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc quy trình không được nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, gặp rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

## Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp quy khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

## Liên hệ Dell



**LƯU Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hoá đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell có cung cấp một số hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Mức sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

### Để xem nội dung hỗ trợ trực tuyến cho Màn hình:

- 1 Truy cập [www.dell.com/support/monitors](http://www.dell.com/support/monitors).

### Để liên hệ Dell về việc bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

- 1 Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support).
- 2 Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống **Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực)** ở góc trên bên trái của trang.
- 3 Nhấn vào **Contact Us (Liên hệ với chúng tôi)** bên cạnh danh sách quốc gia.
- 4 Chọn dịch vụ hoặc đường liên kết hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của bạn.
- 5 Chọn cách liên hệ Dell thuận tiện với bạn.

# Thiết lập màn hình của bạn

## Thiết đặt độ phân giải hiển thị

Để đạt hiệu năng hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft® Windows®, hãy thiết đặt độ phân giải hiển thị thành **1920 x 1080** điểm ảnh bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

- 1 Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
- 3 Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn độ phân giải khuyên dùng, bạn có thể cần cập nhật trình điều khiển đồ họa của mình. Vui lòng chọn kịch bản bên dưới mô tả đúng nhất hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và làm theo các bước được nêu.

## Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell mà có thể truy cập Internet

- 1 Truy cập [www.dell.com/support](http://www.dell.com/support), nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.
- 2 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài đặt độ phân giải thành 1920 x 1080, vui lòng liên hệ Dell để hỏi về thẻ đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

## Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc thẻ đồ họa không phải của Dell

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

- 1 Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
- 2 Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Personalization (Cá nhân hoá)**.
- 3 Nhấn vào **Change Display Settings (Thay đổi thiết đặt hiển thị)**.
- 4 Nhấn vào **Advanced Settings (Thiết đặt nâng cao)**.
- 5 Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
- 6 Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển cập nhật (ví dụ <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
- 7 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.

Trong Windows® 10:

- 1 Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
- 2 Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
- 3 Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
- 4 Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
- 5 Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển cập nhật (ví dụ <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
- 6 Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.



**LƯU Ý:** Nếu bạn không thể thiết đặt độ phân giải khuyến dùng, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc xem xét việc mua thẻ đồ họa hỗ trợ độ phân giải video đó.